

# Mấy vấn đề về xã hội học lao động trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin

ĐỖ VĂN QUÂN  
ĐẶNG ÁNH TUYẾT

Giá trị khoa học của các trước tác kinh điển và thực tiễn ngày nay đang đặt ra yêu cầu phải nhận thức chủ nghĩa Mác-Lênin vượt qua quan niệm truyền thống. Thực tế cho thấy giá trị của hệ tưởng Mác-Lênin là rất phong phú, trên nhiều địa hạt khoa học, trong đó không thể không nhắc tới xã hội học. Mặc dù các nhà kinh điển Mác-Lênin không để lại một trước tác nào bàn riêng về xã hội học và xã hội học chuyên biệt, song trong khá nhiều luận điểm mà các ông đưa ra và phân tích luôn thấm đậm những đặc trưng rõ rệt của khoa học xã hội học (đối tượng nghiên cứu, khái niệm, phương pháp nghiên cứu, lý thuyết phân tích, các chủ đề nghiên cứu...). Bài viết này góp phần phân tích tư tưởng của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin với tư cách là những nhà khoa học nghiên cứu về hiện tượng lao động và những mối quan hệ của nó trong chủ nghĩa tư bản-một lĩnh vực mà sau này đã phát triển thành chuyên ngành xã hội học Lao động.

## 1. Chủ nghĩa Mác-Lênin bàn về đối tượng nghiên cứu và một số khái niệm liên quan đến lao động

*1. Hiện tượng lao động trong nền sản xuất lớn đã được xã hội hóa là đối tượng nghiên cứu của xã hội học Lao động.*

Cho dù Mác, Ăng-ghe-n và Lênin chưa bao giờ xác lập một cách rõ ràng như vậy, tuy nhiên các tác phẩm kinh điển lại thể hiện khá rõ tinh thần đó. Nghiên cứu về hiện tượng lao động trong chủ nghĩa tư bản được các nhà kinh điển quan tâm từ rất sớm. Ngay trong tác phẩm “Tình cảnh giai cấp lao động Anh” được viết năm 1844, Ăng-ghe-n đã tiếp cận lao động với tư cách là đối tượng nghiên cứu của khoa học xã hội. Điều đáng nói ở chỗ, nó đã “mang đặc trưng xã hội học lao động khá rõ rệt”<sup>1</sup>. Ông không nghiên cứu vấn đề lao động ở nước Đức hay một nước nào khác mà là nước Anh, vì theo Ăng-ghe-n “Anh là nước điển hình về sự biến đổi”<sup>2</sup>. Như Ăng-ghe-n khẳng định, “Tình cảnh giai cấp công nhân là cơ sở thực tế và xuất phát điểm của mọi phong trào xã hội hiện đại, bởi vì nó là biểu hiện sâu sắc nhất và rõ rệt nhất của những tai họa xã hội của chúng ta hiện nay”... “việc tiến hành nghiên cứu công phu, miêu tả cái hình thức điển hình của điều kiện sống của giai cấp vô sản ở vương quốc Bri-ten có tầm

<sup>1</sup> Lê Ngọc Hùng: *Xã hội học kinh tế*. Nxb Lý luận Chính trị. Hà Nội - 2004. Tr. 37.

<sup>2</sup> *Mác- Ăng-ghe-n toàn tập*. Tập 2. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1995. Tr. 225.

quan trọng to lớn...khi mà những nhà lý luận còn hiểu biết quá ít về thế giới hiện thực có thể trực tiếp thúc đẩy chúng ta khao khát cải tạo cái “hiện thực xấu xa” ấy đi”<sup>3</sup>. Hơn ai hết, ông coi nhiệm vụ của khoa học là phải gắn chặt với thực tiễn, phản ánh và giải quyết cho được những yêu cầu mà biến đổi xã hội đặt ra. Thực tiễn nước Anh đã đặt ra yêu cầu phải cố gắng tiếp cận các vấn đề xã hội lúc bấy giờ theo một hướng tư duy, phương pháp tiếp cận mới, đó chính là khoa học xã hội học.

Từ phân tích quan điểm của Ăng-ghe-n về lao động có thể khẳng định: lao động là một hiện tượng xã hội ra đời cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người. Tuy nhiên, nó chỉ trở thành đối tượng nghiên cứu của khoa học xã hội học khi nền sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời. Với tinh thần đó, đối tượng nghiên cứu được xác định là *hiện tượng lao động của một nền sản xuất lớn đã được xã hội hóa*.

*2. Lao động; sự tha hóa của lao động và biến đổi lao động là những khái niệm then chốt của xã hội học lao động với sự đóng góp to lớn của Mác, Ăng-ghe-n và Lênin.*

Khái niệm *lao động* là một thuật ngữ cơ bản và then chốt trong nhiều công trình nghiên cứu và phân tích của các nhà kinh điển Mác-Lênin, đặc biệt là Mác. Khái niệm lao động được Mác đưa ra lần đầu với tư cách là một công cụ trong phân tích khoa học từ năm 1844. “Lao động: Sự hình thành và tiến triển tư tưởng của Mác, như đã nói có thể theo dõi từ cuốn *Bản thảo kinh tế triết học* (1844), ở đây, Mác bắt đầu định nghĩa khái niệm lao động (labour)”<sup>4</sup>. Theo Mác quan niệm, “Lao động trước hết là một quá trình diễn ra giữa con người và tự nhiên, một quá trình trong đó, bằng hoạt động của chính mình, con người là trung gian, điều tiết và kiểm tra sự trao đổi chất giữa họ và tự nhiên”<sup>5</sup>.

Như vậy, với quan điểm này, Mác đã coi lao động với tư cách là một hiện tượng xã hội nảy sinh, biến đổi và phát triển trong bối cảnh xã hội cụ thể. Luận điểm của Mác đã phản bác lại quan điểm phi khoa học của các nhà kinh tế chính trị trước đó. “Theo lời các nhà kinh tế chính trị học, lao động là cái giá bất biến duy nhất của mọi cái, và đồng thời không có cái gì lại có tính chất ngẫu nhiên nhiều hơn và chịu những dao động”<sup>6</sup>. Mác phê phán khoa kinh tế chính trị học ở chỗ, nó coi “lao động là cái duy nhất mà con người dùng để làm tăng thêm giá trị của những sản phẩm của giới tự nhiên” và coi “người công nhân chỉ là một súc vật lao động, chỉ là một con vật mà nhu cầu được quy thành những nhu cầu thể xác thiết yếu mà thôi” mà không chỉ ra được nguyên nhân của tình trạng này. Mác cho rằng kinh tế chính trị học mới chỉ nhìn thấy mặt kinh tế của lao động mà chưa thấy bản chất xã hội của nó. Lao động không đơn thuần là hàng hóa, mà theo Mác, lao động là sự kết tinh của mối quan hệ giữa con người với người được cấu trúc hóa một cách bất công, bất bình đẳng trong xã hội tư bản chủ nghĩa”<sup>7</sup>. Và, “Giai cấp tư sản hiện nay của chúng ta đang xuyên tạc bừa bãi các vấn đề xã hội, cũng luôn xuất phát từ những ý kiến lối lạng nhất và tâm

<sup>3</sup> Mác- Ăng-ghe-n toàn tập. Tập 2. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1995. Tr. 225, 226.

<sup>4</sup> Tony Bilton và các cộng sự: *Nhập môn xã hội học*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 1993. Tr. 11.

<sup>5</sup> Mác- Ăng-ghe-n toàn tập. Tập 23. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1993. Tr. 226.

<sup>6</sup> Mác- Ăng-ghe-n toàn tập. Tập 43. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2000. Tr. 80.

<sup>7</sup> Trung tâm Xã hội học: *Tư tưởng xã hội học trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác- Lênin*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học. Hà Nội - 2005. Tr. 36.

thường nhất về tình cảnh của người lao động"<sup>8</sup>.

Với một quan niệm mới về lao động, Mác đã coi lao động như là hành động xã hội có cấu trúc bao gồm nhiều thành phần, các yếu tố giản đơn và trừu tượng có quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau. "Quá trình lao động, như chúng ta đã hình dung trong những yếu tố giản đơn và trừu tượng của nó, là hoạt động có mục đích nhằm tạo ra những giá trị sử dụng, là sự chiếm đoạt những cái có sẵn trong tự nhiên để thỏa mãn những nhu cầu của con người, là điều kiện chung của sự trao đổi chất giữa con người với tự nhiên, là điều kiện vĩnh cửu của đời sống con người, và vì vậy quá trình lao động ấy không phụ thuộc vào bất kỳ một hình thái nào của đời sống đó, mà ngược lại, nó là chung cho tất cả mọi hình thái xã hội của đời sống đó một cách giống như nhau"<sup>9</sup>.

Việc Mác đưa ra khái niệm *tha hóa của lao động* có một ý nghĩa to lớn không chỉ đối với khoa học triết học, kinh tế chính trị mà còn đối với cả khoa học xã hội học, cụ thể là xã hội học lao động. Đây chính là một trong những khái niệm cơ bản của chuyên ngành xã hội học lao động. Để đưa ra khái niệm "tha hóa" một cách khoa học Mác đã từ cơ sở của việc phân tích khái niệm "quan hệ trực tiếp" của người công nhân với các thành phần cấu trúc của lao động. "Khái niệm "tha hóa" được hiểu là "sự tha hóa của lao động" hay "sự tha hóa của con người".

Sự tha hóa của lao động mà Mác quan niệm được biểu hiện qua ba phương diện chủ yếu sau: 1. "Sự tha hóa của sản phẩm lao động biểu hiện ở sự vật hóa của lao động đến mức "người công nhân quan hệ với sản phẩm lao động của mình như với một vật xa lạ"; 2. Sự tha hóa của bản thân người công nhân biểu hiện ở chỗ "cái đã rơi vào sản phẩm của anh ta không còn ở bản thân anh ta nữa. Cho nên, sản phẩm đó càng lớn thì anh ta càng ít là anh ta"; 3. Sự tha hóa của quá trình hoạt động lao động biểu hiện dưới ba hình thức. Thứ nhất: "lao động là cái gì đó bên ngoài đối với người công nhân, không thuộc bản chất của anh". Thứ hai, "lao động của anh không phải là tự nguyện mà là bắt buộc, đó là lao động cưỡng bức. Đó không phải là sự thỏa mãn nhu cầu lao động, mà chỉ là một phương tiện để thỏa mãn những nhu cầu khác, chứ không phải nhu cầu lao động. Thứ ba, bản thân người công nhân "trong quá trình lao động, không thuộc về anh ta mà thuộc về người khác, thuộc về nhà tư bản người đã mua sức lao động của công nhân"<sup>10</sup>.

Việc Mác đưa ra khái niệm *biến đổi lao động* đã có ý nghĩa rất lớn trong cách giải thích về sự biến đổi và phát triển của xã hội loài người. "Trên con đường nghiên cứu có kinh nghiệm, trung thực và có phê phán các sự kiện thực tế Mác đã nêu lên ra những câu hỏi cơ bản mà câu trả lời đã dẫn tới học thuyết về biến đổi xã hội. Ví dụ, Mác đặt câu hỏi: sự kiện lao động bị tha hóa là gì? Nó bắt nguồn từ đâu? Hệ quả của nó là gì. Các câu trả lời cho câu hỏi này tạo thành một khung khái niệm về mối quan hệ biện chứng giữa tha hóa của lao động và sở hữu tư nhân"<sup>11</sup>.

Theo quan điểm của Mác, "Lao động với tính cách là sự trao đổi giữa con

<sup>8</sup> Tony Bilton và các cộng sự: *Nhập môn xã hội học*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 1993. Tr. 327.

<sup>9</sup> *Mác- Ăng-ghen toàn tập*. Tập 23. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1993. Tr. 275, 276.

<sup>10</sup> Tony Bilton và các cộng sự: *Nhập môn xã hội học*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 1993. Tr. 316.

<sup>11</sup> Tony Bilton và các cộng sự: *Nhập môn xã hội học*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 1993. Tr. 346.

người và tự nhiên, đã được quan niệm như là một quá trình phát triển lịch sử trong đó con người tự biến đổi mình và biến đổi xã hội. Quan niệm này dẫn tới quan niệm về những giai đoạn phát triển trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, của các phương thức sản xuất và các hình thức xã hội tương ứng<sup>12</sup>.

Mác đã quan niệm biến đổi lao động như là biến đổi của một loại thiết chế xã hội: “Như vậy, sự khác nhau giữa sức sản xuất của hơi nước và sức sản xuất ruộng đất chỉ là ở chỗ sức sản xuất thứ nhất đem lại cho lao động không được trả công lại cho nhà tư bản, còn sức sản xuất thứ hai- cho kẻ sở hữu ruộng đất ruộng đất, bằng cách cướp đoạt lao động không được trả công của công nhân, không phải trực tiếp từ tay người công nhân, mà từ tay nhà tư bản. Và sự biến đổi này đã có tầm ảnh hưởng lớn tới mức, “Mọi của cải đều đã trở thành của cải công nghiệp, của cải của lao động, và công nghiệp không phải là gì khác mà là lao động hoàn bị, còn chế độ công xưởng là bản chất đầy đủ của công nghiệp, nghĩa là của lao động, cũng hết như tư bản công nghiệp là hình thức khách quan hoàn bị của chế độ tư hữu”<sup>13</sup>.

Kế tục quan điểm của Mác, Lênin đã dành khá nhiều trang viết nói về biến đổi của lao động. Ông cho rằng, “lao động biến đổi dưới tác động của các yếu tố xã hội và mọi sự biến đổi lao động đều kéo theo sự biến đổi trong xã hội. Lênin đã phân biệt tác dụng tích cực của tiến bộ kỹ thuật là làm giảm nhẹ sức lao động giản đơn bằng thủ công và chỉ ra xu hướng tất yếu của sự phát triển loại lao động tạo ra tư liệu sản xuất trong xã hội. Loại lao động sản xuất ra sự sản xuất này ngày càng chiếm vị trí và vai trò to lớn trong nền sản xuất xã hội. “Kỹ thuật càng phát triển cao thì nó càng lấn át lao động thủ công của con người và đem những máy móc ngày càng phức tạp để thay thế lao động thủ công: trong toàn bộ nền sản xuất của đất nước, máy móc và những tư liệu cần thiết để chế tạo máy móc sẽ ngày càng chiếm địa vị lớn hơn”<sup>14</sup>.

## **2. Một số chủ đề nghiên cứu về lao động trong chủ nghĩa tư bản của các nhà kinh điển Mác-Lênin**

Trong quá trình nghiên cứu về giai cấp lao động, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin đã đưa ra hàng loạt chủ đề nghiên cứu mà sau này chuyên ngành xã hội học lao động đã kế thừa và tập trung nghiên cứu. Chẳng hạn, chủ đề nghiên cứu về mối quan hệ giữa lao động và tư bản; điều kiện môi trường của lao động; hiệp tác và phân công lao động...

### *1. Chủ đề lao động và tư bản*

Mối quan hệ giữa lao động và tư bản là một chủ đề quan trọng và được đề cập khá nhiều trong các tác phẩm của các nhà kinh điển Mác, Ăng-ghen và Lênin. Đây là một trong những vấn đề có phạm vi rộng lớn, liên quan đến triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học và xã hội học...

<sup>12</sup> Trung tâm Xã hội học: *Tư tưởng xã hội học trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác- Lênin*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học. Hà Nội - 2005. Tr. 11.

<sup>13</sup> Trung tâm Xã hội học: *Tư tưởng xã hội học trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác- Lênin*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học. Hà Nội - 2005. Tr. 88.

<sup>14</sup> *Mác- Ăng-ghen toàn tập*. Tập 43. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2000. Tr. 162.

Ngay từ năm 1844 trong “Tình cảnh giai cấp công nhân Anh”, Ăng-ghe-nh đã vạch ra sự thật của mối quan hệ giữa tư bản và lao động ở nước Anh vào giữa thế kỷ XIX. Tức là mối quan hệ giữa giai cấp công nhân với công cụ, máy móc sản xuất trong chủ nghĩa tư bản. Máy móc, công cụ lao động, một mặt, nó là thành tựu văn minh của nhân loại, nhưng mặt khác, do bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản lại trở thành công cụ nô dịch, tha hóa người lao động. Sự nghiên cứu này về sau đã góp phần tạo cơ sở thực tiễn và khoa học cho Mác hoàn thiện quan điểm tha hóa của lao động trong chủ nghĩa tư bản. Khi trình bày bản chất quan hệ giữa chủ và thợ trong quá trình lao động, ông khẳng định, *đó là thứ quan hệ thuần túy kinh tế*. Ăng-ghe-nh viết “Quan hệ giữa chủ xưởng và công nhân không phải là quan hệ giữa người với người, mà là quan hệ thuần túy kinh tế. Chủ xưởng là “tư bản” còn công nhân là lao động”<sup>15</sup>. Đó là thứ quan hệ cưỡng bức, ép buộc, đối đầu và bất hợp tác mà nguyên nhân là sự bóc lột dã man tất cả vì lợi nhuận và giá trị thặng dư của giai cấp tư sản. Theo ông, trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, quá trình lao động luôn bộc lộ những quan hệ phức tạp, đa chiều giữa những người lao động với nhau; giữa người lao động trực tiếp và người quản lý, giới chủ; giữa con người với môi trường, điều kiện lao động... Nói một cách phổ quát hơn, đó là mối quan hệ giữa vấn đề lao động của con người và cơ cấu xã hội trong xã hội công nghiệp.

Phân tích về mối quan hệ giữa lao động và tư bản là một chủ đề được Mác đặc biệt quan tâm. Điều này được thể hiện xuyên suốt từ Bản thảo kinh tế triết học 1844 cho đến Bộ tư bản. Nhiều luận điểm mà ông đưa ra rất có giá trị trong phân tích xã hội học lao động. Mác cho rằng, hệ quả của mối quan hệ giữa lao động và tư bản là sự thủ tiêu mối quan hệ xã hội trực tiếp giữa những con người với nhau. Ông viết: “Nói một cách khác, các lao động tư nhân chỉ thực tế biểu hiện thành những khâu của toàn bộ lao động xã hội là nhờ những mối quan hệ mà sự trao đổi đã xác lập giữa các sản phẩm lao động với nhau và thông qua các sản phẩm đó là giữa những người sản xuất với nhau. Vì vậy, đối với những người này, những quan hệ xã hội giữa lao động tư nhân của họ trên thực tế như thế nào thì chúng thể hiện ra như thế ấy, nghĩa là không phải thể hiện thành những quan hệ xã hội trực tiếp giữa bản thân những con người với nhau trong lao động của họ, mà trái lại, thể hiện thành những quan hệ vật thể giữa người ta với nhau và thành quan hệ xã hội giữa vật với vật”<sup>16</sup>.

## 2. Chủ đề điều kiện môi trường của lao động

Nghiên cứu về các điều kiện lao động của người công nhân trong chủ nghĩa tư bản là một đóng góp lớn của các nhà kinh điển mác-xít đối với chuyên ngành xã hội học lao động. Qua sự phân tích của Mác và Ăng-ghe-nh chúng ta thấy rất rõ từng căn bệnh của người công nhân liên quan đến mỗi nghề nghiệp, như: công nhân ngành gốm mắc các bệnh đường ruột, bệnh thần kinh bại liệt tứ chi; công nhân ngành thủy tinh, khai thác mỏ thì bị bệnh lao phổi; công nhân ngành may phần lớn bị các bệnh về mắt.

Do bản chất bóc lột cho nên các ông chủ tư bản không bao giờ quan tâm đến việc cần phải đầu tư nhà xưởng đảm bảo về: không gian, ánh sáng, độ thông gió,

<sup>15</sup> Mác- Ăng-ghe-nh toàn tập. Tập 2. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1995. Tr. 671.

<sup>16</sup> Mác- Ăng-ghe-nh toàn tập. Tập 23. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1993. Tr. 116.

tiếng ồn, bảo hộ... Chính điều kiện lao động tồi tệ như vậy đã dẫn đến tình trạng tai nạn lao động, các bệnh nghề nghiệp... một cách phổ biến đối với người công nhân. Hàng loạt các bệnh về mắt, phụ khoa, cột sống, thần kinh... của công nhân được xác định là do điều kiện lao động quá độc hại, vất vả, kéo dài mà không có phương tiện bảo hộ lao động, không được bồi dưỡng nghỉ ngơi và chữa bệnh. Sau khi phân tích những biểu hiện của điều kiện lao động tồi tệ là nguyên nhân trực tiếp gây ra hàng loạt tai hoạ đối với giai cấp công nhân, Ăng-ghe-n đã đi đến kết luận: “Đại đa số gái điếm trong thành phố đều do công xưởng tạo nên” và “Tất cả những bệnh tật ấy đều sinh ra do chính bản chất của lao động công xưởng”<sup>17</sup>.

### *3. Chủ đề hiệp tác và phân công lao động*

Mác và Ăng-ghe-n đã phát hiện ra sự biến đổi của thiết chế, môi trường lao động tại các nước tư bản giữa thế kỷ XIX: lao động của con người đã thực sự chuyển từ thiết chế gia đình sang thiết chế công xưởng, người lao động được gọi là công nhân gắn liền với việc sử dụng các máy móc. Tính chất của thiết chế lao động mới - thiết chế công xưởng, đã dẫn đến một tất yếu khách quan về hiệp tác và phân công lao động trở nên sâu sắc.

Quan niệm của Mác về hiệp tác trong lao động chủ nghĩa tư bản là khá hoàn bị và có ý nghĩa lớn trong phân tích xã hội học. Rằng, "các hình thức lao động trong đó nhiều người làm việc theo kế hoạch bên cạnh nhau và cùng với nhau, trong cùng một quá trình sản xuất hay trong những quá trình khác nhau nhưng gắn liền với nhau thì gọi là hiệp tác"... Ông cho rằng, hiện tượng hiệp tác trong hoạt động lao động của con người là một tất yếu khách quan. Mác cũng cho rằng để có tính chất hiệp tác trong hoạt động lao động phải cần có những điều kiện cần thiết theo khuynh hướng lý thuyết về chức năng-cấu trúc. "Tất cả mọi lao động trực tiếp hay lao động chung nào tiến hành trên quy mô tương đối lớn, thì ít nhiều cũng đều cần đến một sự chỉ đạo để điều hòa những hoạt động cá nhân và thực hiện những chức năng chung phát sinh từ sự vận động của toàn bộ cơ thể sản xuất khác với sự vận động của những khí quan độc lập của nó. Một nhà độc tấu vĩ cầm tự mình điều khiển lấy mình, còn một dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng"<sup>18</sup>.

Theo Mác, quá trình sản xuất trong chủ nghĩa tư bản luôn có sự gắn liền của hai quá trình: trình hiệp tác và phân công lao động. Ông viết: “Như đã nói rõ trong khi phân tích sự hiệp tác, phân công lao động và vai trò của máy móc, việc tiết kiệm về những điều kiện sản xuất đặc trưng cho nền sản xuất quy mô lớn xuất hiện chủ yếu là nhờ những điều kiện ấy hoạt động với tư cách là những điều kiện của lao động xã hội, của lao động kết hợp mang tính xã hội - tức với tư cách là những điều kiện xã hội của lao động. Trong quá trình sản xuất những điều kiện ấy được người lao động tập thể tiêu dùng chung, chứ không phải bị tiêu dùng một cách phân tán bởi một số đông công nhân không có liên hệ gì với nhau, hoặc nhiều lắm là hiệp tác trực tiếp trên một quy mô rất nhỏ”<sup>19</sup>. Cũng giống như quá trình hiệp tác Mác cho rằng phân

<sup>17</sup> *Mác- Ăng-ghe-n toàn tập*. Tập 2. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1995. Tr. 515, 522.

<sup>18</sup> *Mác- Ăng-ghe-n toàn tập*. Tập 23. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1993. Tr. 557, 480.

<sup>19</sup> *Mác- Ăng-ghe-n toàn tập*. Tập 25. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1994. Tr. 128.

công lao động cũng có tính chất tất yếu, do yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa, “Sự phân công lao động biến sản phẩm lao động thành hàng hóa và do đó, làm cho việc chuyển hóa thành tiền trở nên tất yếu”<sup>20</sup>.

Thông qua hàng loạt tác phẩm, Mác và Ăng-ghe-n đã tiến hành phân tích tính chất xã hội của phân công lao động, trong điều kiện kinh tế-xã hội của các nước tư bản lúc bấy giờ và rút ra một kết luận quan trọng. Chính quá trình phân công lao động này đã làm rõ sự tác động của *cơ cấu kinh tế tới cơ cấu lao động*. Hình thức tổ chức hoạt động kinh tế trong chủ nghĩa tư bản đã làm cho sự phân công lao động theo giới trở nên sâu sắc. Chẳng hạn, ngành công nghiệp dệt- may ở nước Anh phát triển nhanh chóng đã dẫn đến tình trạng lao động phụ nữ, lao động trẻ em nhất là trẻ em gái gia tăng. Trong khi đó, nam giới thì có xu hướng tập trung lao động trong các ngành khai thác mỏ, luyện kim, thủy tinh...

Qua nghiên cứu hiện tượng phân công lao động của chủ nghĩa tư bản, Mác và Ăng-ghe-n cho rằng, phân công lao động là nguyên nhân dẫn đến bất bình đẳng xã hội, mâu thuẫn và xung đột xã hội. Phân công lao động đã làm cho người lao động không chỉ bị chi phối về sự phân công trong các quá trình sản xuất hợp lý, mà người công nhân còn bị kiểm soát một cách chặt chẽ. Với hình thức thiết chế lao động công xưởng, phân công lao động ngày càng sâu sắc, chuyên môn hóa ngày một cao, sự kiểm soát của giới chủ và sự bóc lột của nó đối với người lao động trở nên vô cùng hà khắc. Do đó, lợi nhuận đem lại cho giai cấp tư bản càng nhiều bao nhiêu thì sự bản cứng hóa càng sâu sắc bấy nhiêu đối với giai cấp lao động. Đồng thời, những mâu thuẫn và xung đột giữa giai cấp công nhân và gia cấp tư sản đang ngày càng trở nên gay gắt.

#### 4. Một vài nhận định ban đầu

1. Tư tưởng của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin đối với chuyên ngành xã hội học lao động là khá rõ nét và có tính xuyên suốt trong các tác phẩm kinh điển của mình. Đóng góp của các ông đối với việc hình thành và phát triển chuyên ngành xã hội học lao động là rất lớn và nhiều vấn đề còn giữ nguyên giá trị đến hôm nay.

2. Mặc dù phân biệt sự đóng góp của mỗi người về lao động là hết sức khó khăn, song chúng tôi nhận thấy ở mỗi người đều có những dấu ấn rõ nét trong chuyên ngành xã hội học lao động. Chẳng hạn, đóng góp lớn nhất của Mác trong lý thuyết nghiên cứu về xã hội học nói chung và xã hội học lao động nói riêng chính là ở chỗ phân tích tất cả hiện tượng xã hội, trong đó có hiện tượng lao động trong bối cảnh của mối quan hệ lịch sử giữa quan hệ sản xuất và các quan hệ xã hội khác. Mác đã đặc biệt lưu ý và nhấn mạnh lao động không chỉ là nguồn sáng tạo ra của cải vật chất và tinh thần của con người mà còn là yếu tố quyết định trong quá trình sáng tạo ra bản thân con người, không những coi lao động là phương tiện để thoả mãn nhu cầu của con người mà còn coi đó là bản thân nhu cầu của con người.

Trong khi đó, Ăng-ghe-n lại có đóng góp riêng trong việc xác định đối tượng nghiên cứu, vận dụng và phát triển khá nhiều các phương pháp nghiên cứu xã hội học trong các công trình nghiên cứu của mình. Còn đối với Lênin, nhắc đến xã hội

<sup>20</sup> Mác- Ăng-ghe-n toàn tập. Tập 43. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2000. Tr. 201.

học lao động chúng ta không thể không đề cập đến khái niệm biến đổi lao động và những sáng kiến của ông cho việc xây dựng mối quan hệ mới trong lao động.

3. Điểm chung nhất khi đề cập đến những giá trị trong tư tưởng của các nhà kinh điển Mác-Lênin về chuyên ngành xã hội học lao động là sự vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và lịch sử của các ông trong tiếp cận, phân tích và lý giải tất cả những vấn đề xung quanh hiện tượng lao động trong chủ nghĩa tư bản. Điều này cũng thật dễ hiểu, bởi vì chủ nghĩa duy vật biện chứng và lịch sử là nền tảng, là phương pháp luận trong sự nghiệp nghiên cứu khoa học và hoạt động chính trị của các ông.

4. Trong khuôn khổ bài viết, chỉ mang tính phác họa và gợi mở một số vấn đề, do vậy, cần phải tiếp tục triển khai nghiên cứu mới có thể làm sáng rõ được. Tuy nhiên, điều chúng tôi muốn đặc biệt lưu ý ở đây là, trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, khoa học xã hội học cần phải có những đóng góp tích cực hơn nữa. Do vậy, việc đẩy mạnh phát triển chuyên ngành xã hội học lao động ở nước ta là cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn. Trong đó, vấn đề kế thừa, vận dụng và phát triển các quan điểm của Mác, Ăng-ghe-n và Lênin về hiện tượng lao động là điều mà các nhà xã hội học cần chú ý.

5. Cuối cùng, thông qua bài viết, chúng tôi nhận thấy: muốn tăng cường bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, các lý luận về xã hội học của Mác, Ăng-ghe-n và Lênin nói riêng trong bối cảnh hiện nay, một trong những vấn đề cần quan tâm là phải đi sâu và mở rộng phạm vi nghiên cứu của các khoa học liên quan trong từng vấn đề, quan điểm của họ. Nghiên cứu tư tưởng xã hội học của chủ nghĩa Mác-Lênin cần phải triển khai hướng liên ngành với một số khoa học khác như: triết học, kinh tế chính trị học, chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học... Thiết nghĩ, việc tăng cường hợp tác này sẽ đem lại những hứa hẹn đáng kể cho sự phát triển của xã hội học ở Việt Nam, đáp ứng những yêu cầu mà thực tiễn đang đặt ra hiện nay. Và đương nhiên, không chỉ có xã hội học mà còn đối với triết học, kinh tế chính trị học, chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học... cũng sẽ có những cơ hội kết hợp với cách tiếp cận xã hội học. Và điều quan trọng hơn, sự phối hợp thường xuyên sẽ góp phần tăng cường cơ sở khoa học để chúng ta bảo vệ, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện mới.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Lê Ngọc Hùng: *Xã hội học kinh tế*. Nxb Lý luận Chính trị. Hà Nội - 2004.
2. Trung tâm Xã hội học: *Tư tưởng xã hội học trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác- Lênin*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học. Hà Nội - 2005.
3. Tony Bilton và các cộng sự: *Nhập môn xã hội học*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 1993.
4. *Mác- Ăng-ghe-n toàn tập*. Tập 2. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1995.
5. *Mác- Ăng-ghe-n toàn tập*. Tập 23. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1993.
6. *Mác- Ăng-ghe-n toàn tập*. Tập 43. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2000.
7. *Mác- Ăng-ghe-n toàn tập*. Tập 25. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1994.
8. Trương Lý Tân: *Nền móng xã hội học lao động của Ăng-ghe-n*. Tạp chí Xã hội học, số 2/1996.